

TRỌNG TÀI KINH TẾ NHÀ NƯỚC

-----

Đề tài : "Mô hình tổ chức giải quyết  
tranh chấp kinh tế ở Việt Nam  
Trong giai đoạn hiện nay" .

Mã số : 93 - 98 - 043/ĐT

Chủ nhiệm đề tài : - Đỗ Minh Quý, Phó chủ tịch  
Trọng tài kinh tế Nhà nước .

Phó chủ nhiệm đề tài : - PTS. Hoàng Thế Liên, Phó Viện  
trưởng Viện Nhà nước và pháp  
luật .

Thư ký đề tài : - Bùi Thị Hải, cán bộ của T.T.KTN.N

Các thành viên tham gia  
đề tài :

1. Nguyễn Khắc Công, Vụ trưởng vụ  
nghiên cứu pháp luật Tòa án  
nhân dân tối cao .
2. Bùi Ngọc Toàn, cán bộ của  
TTKT nhà nước .
3. Trần Hữu Huỳnh, Q. Trưởng Phòng  
pháp chế trọng tài Phòng thương  
mại và công nghiệp Việt Nam .
4. Dương Văn Hậu, cán bộ của Bộ  
tư pháp .

- HÀ NỘI 1993 -

2918

57 M / 96

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Chuyển sang nền kinh tế thị trường, quan hệ kinh tế trở nên sống động, đa dạng và phức tạp. Mục đích nhằm đạt được lợi nhuận tối đa trở thành động lực trực tiếp của các bên tham gia quan hệ kinh tế. Trong điều kiện như vậy, tranh chấp kinh tế không những là một vấn đề khó tránh khỏi, mà còn sẽ là một vấn đề lớn đòi hỏi phải có sự quan tâm giải quyết một cách thoả đáng. Đó vừa là một yêu cầu nghiêm ngặt của nguyên tắc pháp chế, vừa là một đòi hỏi bức xúc của quan hệ kinh tế theo cơ chế thị trường.

Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, tính đa dạng và phức tạp trong quan hệ kinh tế làm cho tranh chấp kinh tế cũng trở nên phức tạp về nội dung gay gắt về mức độ tranh chấp, và phong phú hơn nhiều về chủng loại. Để vậy, xuất phát từ lợi ích kinh tế của mỗi bên tranh chấp, việc giải quyết tranh chấp kinh tế trong điều kiện hiện nay phải bảo đảm các yêu cầu sau :

- Nhanh và thuận lợi, hạn chế đến mức tối đa sự gián đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo dân chủ, công khai trong quá trình giải quyết tranh chấp.
- Bảo vệ uy tín của các bên trên thương trường.
- Đảm bảo các yếu tố bí mật trong kinh doanh.
- Đạt hiệu quả thi hành cao nhằm bảo vệ một cách có hiệu quả lợi ích hợp pháp của các bên.

Muốn vậy, yêu cầu đặt ra là phải tiến hành nghiên cứu nhằm tìm ra một mô hình tổ chức giải quyết tranh chấp kinh

tế phù hợp. Mô hình đó phải đa dạng nhằm đảm bảo quyền tự lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp của các bên. Đó là mục đích và yêu cầu của phần nghiên cứu này.

## II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VIỆC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY.

Từ trước tới nay, nói đến tranh chấp kinh tế thường nghĩ đến tranh chấp và vi phạm hợp đồng kinh tế. Vì vậy, Nhà nước ta đã tổ chức giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế bằng hai phương thức khác nhau :

a) Từ năm 1956 đến năm 1960, các tranh chấp hợp đồng kinh tế do Toà án nhân dân xét xử. Điều đó được quy định rõ ở Nghị định 735/TTg ngày 10.4.1956 ban hành điều lệ tạm thời về hợp đồng kinh tế.

b) Từ năm 1960 đến nay (cụ thể là từ Nghị định số 20/TTg ngày 14.1.1960), các tranh chấp hợp đồng kinh tế do Trọng tài kinh tế (một cơ quan của Chính phủ) giải quyết. Ở đây, chúng tôi chỉ đi sâu vào phân tích phương thức tổ chức giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế bằng Trọng tài kinh tế, bởi vì, đó là phương thức giải quyết tranh chấp chính (và có thể nói là duy nhất) trong suốt một thời gian dài.

### 1. Về lịch sử tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế.

TTKT là cơ quan giải quyết tranh chấp HKKT, xử lý vi phạm pháp luật HKKT và thực hiện quản lý nhà nước về chế độ HKKT theo qui định của pháp luật.

Hơn 30 năm hoạt động và trưởng thành, TTKT giữ vai trò

quan trọng trong việc giải quyết những tranh chấp kinh tế. Bằng hoạt động của mình TTKT đã tác động tích cực đến các đơn vị kinh tế, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong việc duy trì phát triển các quan hệ kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, lưu thông hàng hoá, phòng ngừa vi phạm pháp luật, góp phần giữ vững trật tự, kỷ cương, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động kinh tế.

Đầu năm 1960, khi công cuộc khôi phục và cải tạo kinh tế (1955-1960) sắp hoàn thành, miền Bắc chuẩn bị bước vào thời kỳ quá độ tiến lên CNXH bằng kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), để đáp ứng yêu cầu quản lý nền kinh tế theo kế hoạch, Nhà nước đã ban hành "Điều lệ tạm thời về chế độ HKT" (Ban hành kèm theo nghị định 04-TTg ngày 04 tháng 01 năm 1960) và thành lập Hội đồng trọng tài ở các cấp Trung ương, khu, thành phố, tỉnh và ở các Bộ chủ quản xí nghiệp (Nghị định 20/TTg ngày 14 tháng 01 năm 1960). Hội đồng trọng tài cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cơ quan chính quyền cấp đó. Thành viên Hội đồng trọng tài làm việc theo tính chất kiêm nhiệm (chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng trọng tài các cấp đều do các đ/c lãnh đạo chính quyền kiêm nhiệm) hoạt động của Hội đồng trọng tài chủ yếu là giải quyết các vụ tranh chấp trên cơ sở hoà giải và dựa trên các đơn khiếu nại của các bên. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Trọng tài là đề ra những biện pháp kịp thời ngăn ngừa, hạn chế những tổn thất có thể xảy ra vì không chấp hành đúng hợp đồng và xử lý những vụ tranh chấp về từ chối ký kết hợp đồng hoặc vi phạm hợp đồng đã ký kết theo kế hoạch Nhà nước. Nếu không đồng ý với quyết định của Hội

đồng trọng tài Bộ, địa phương thì các bên có quyền khiếu nại tới Hội đồng trọng tài Trung ương. Hội đồng trọng tài Trung ương là cơ quan xử lý tối cao (theo thông tư số 025/TTg ngày 22/1/1960 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thi hành nghị định số 20/TTg ngày 14/1/1960); các bên sau khi có quyết định của Hội đồng TTTW không còn khiếu nại đến cơ quan chính quyền nào khác.

Về phân định thẩm quyền giữa toà án với Hội đồng TT tại thông tư số 244-DS ngày 10/2/1960 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn : "Từ nay, toà án các cấp không nên thụ lý giải quyết tranh chấp về HĐKT giữa các cơ quan nhà nước, các xí nghiệp quốc doanh với nhau, vì loại việc này thuộc về phạm vi quyền hạn của Hội đồng Trọng tài các cấp".

Cùng với quá trình phát triển chế độ HĐKT, tổ chức TT và hoạt động của nó cũng được từng bước phát triển và hoàn thiện. Điều lệ tạm thời qui định những nguyên tắc xử lý trong việc chấp hành chế độ HĐKT (Ban hành kèm theo nghị định 29/CP ngày 23/2/1962 của Hội đồng Chính phủ là văn bản đầu tiên mang tính pháp quy; qui định về tổ tụng TT, về những nguyên tắc trình tự và biện pháp xử lý ... Nghị định 94/CP ngày 10/6/1961 đã đổi tên HĐ Trọng tài các cấp thành Hội đồng trọng tài kinh tế (Hội đồng Trọng tài kinh tế nhà nước; Hội đồng Trọng tài kinh tế Bộ; Hội đồng TTKT tỉnh, thành phố) đồng thời tăng thêm quyền hạn của Hội đồng TTKT tỉnh thành phố ngoài việc xử lý các vụ tranh chấp về HĐ giữa các cơ sở trực thuộc địa phương (theo điều 8 nghị định 20/CP ngày 14/1/1960) còn có nhiệm vụ: xử lý các tranh chấp về HĐ giữa các cơ quan xí nghiệp trực thuộc 2 Bộ, Tổng cục khác nhau cùng đóng trên 1 địa phương

hoặc hai địa phương.

Trên cơ sở chỉ thị số 47/TTg ngày 13/3/1974 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu cần tăng cường các cơ quan Hội đồng trọng tài kinh tế ở các ngành các cấp, bổ sung các ủy viên chuyên trách, kiện toàn bộ phận thư ký, ngày 15/5/1974 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 119/CP và nghị định số 120/CP bổ nhiệm chức chủ tịch Hội đồng TTKINN chuyên trách thay thế độ một phó thủ tướng chính phủ kiêm nhiệm trước đây.

Cùng với việc ban hành Điều lệ về chế độ HĐKT (Ban hành kèm theo nghị định 54/CP ngày 10/3/1975 của Hội đồng Chính phủ) ngày 14/4/1975 Hội đồng Chính phủ đã ban hành nghị định số 75/CP kèm theo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng TTKINN. Theo điều lệ này HĐTKINN là cơ quan của Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm giúp Hội đồng chính phủ quản lý công tác HĐKT của Nhà nước; xét xử các vụ tranh chấp về kinh tế được Hội đồng Chính phủ giao để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các đơn vị cơ sở, góp phần củng cố chế độ hạch toán kinh tế, tăng cường quản lý kinh tế.

Về tổ chức bộ máy của HĐTKINN có 1 chủ tịch, 1 số phó chủ tịch và một số ủy viên kiêm nhiệm, chủ tịch Hội đồng TTKINN là cấp bộ trưởng, phó chủ tịch và các ủy viên kiêm nhiệm là cấp thứ trưởng do Hội đồng chính phủ bổ nhiệm. Hội đồng làm theo chế độ tập thể lãnh đạo, phân công phụ trách. Hội đồng TTKINN gồm có 2 vụ: Vụ tổng hợp và Vụ xét xử (theo Nghị định số 157/CP ngày 11/8/1975 của Hội đồng Chính phủ).

Nghị định 24/HĐBT ngày 10/8/1981 của Hội đồng Bộ trưởng

đã bãi bỏ chế độ thành viên kiêm nhiệm ở các cơ quan TTKT đã đổi tên "Hội đồng trọng tài kinh tế" thành "Trọng tài kinh tế" và bãi bỏ chế độ hội đồng, thành lập ngạch trọng tài viên ở các cơ quan trọng tài các cấp; qui định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của TTV là thanh tra việc chấp hành chế độ HKKT ở các đơn vị kinh tế, xét xử các vụ tranh chấp HKKT, qui định tiêu chuẩn TTV và thủ tục bổ nhiệm và miễn nhiệm TTV.

Thẩm quyền của TTKT được qui định tại Nghị định số 63/HĐBT ngày 17/4/1984 của Hội đồng Bộ trưởng là xét xử các vụ tranh chấp và vi phạm HKKT giữa các bên là xí nghiệp quốc doanh hoặc công ty hợp doanh, các đơn vị vũ trang, các đoàn thể và tổ chức xã hội; các HTX được công nhận theo các điều lệ hiện hành, được phép kinh doanh và có tài khoản ở ngân hàng.

Nghị định số 62/HĐBT ngày 17/4/1984 qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của TTKT Bộ, tỉnh và huyện là 1 cái mốc đánh dấu sự hoàn chỉnh hệ thống cơ quan TTKT, hệ thống cơ quan TTKT được tổ chức từ TW xuống địa phương tới tận cấp huyện.

Cùng với sự chuyển đổi cơ chế, hoạt động của ngành TT cũng phải chuyển đổi để phù hợp với cơ chế mới, cơ chế kinh tế nhiều thành phần. Sau khi Pháp lệnh HKKT ban hành ngày 25/9/89, ngày 10/1/1990 pháp lệnh TTKT đã xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của TTKT.

Điều 2 Pháp lệnh TTKT qui định TTKT có nhiệm vụ và quyền hạn :

- 1/ Giải quyết tranh chấp HĐKT.
- 2/ Kiểm tra, kết luận và xử lý các HĐKT trái pháp luật.
- 3/ Tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện pháp luật HĐKT và TTKT.
- 4/ Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác HĐKT và TTKT.

Trọng tài kinh tế có thể được giao nhiệm vụ và quyền hạn khác khi cần thiết.

Như vậy, hoạt động chủ yếu của TTKT là giải quyết tranh chấp HĐKT và xử lý vi phạm pháp luật HĐKT. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm là TTV tiến hành giải quyết và xử lý, TTV chỉ tuân theo pháp luật và phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về các quyết định của mình. TTKT khi giải quyết tranh chấp HĐKT phải căn cứ vào các điều khoản của HĐKT có tranh chấp, các qui định của pháp luật HĐKT và các qui định khác có liên quan, theo nguyên tắc các bên tự thoả thuận không trái pháp luật. Quyết định của TTKT có hiệu lực thi hành ngay, thời hạn để các bên có quyền kháng cáo quyết định là 15 ngày kể từ ngày ký quyết định. Trong trường hợp đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính từ ngày quyết định được giao cho họ. Trong khi chờ xét kháng cáo, các đương sự vẫn phải thi hành quyết định của TT (trừ trường hợp quyết định bị kháng cáo được Chủ tịch TTKT cấp có thẩm quyền xét kháng cáo có quyết định tạm đình chỉ thi hành). Tổ chức Trọng tài kinh tế gồm: TTKT TNN, TTKT tỉnh thành phố trực thuộc TW và cấp tương đương và TTKT quận, huyện. TTKT TNN chịu sự lãnh đạo trực tiếp của chính phủ, còn TTKT địa phương chịu sự chỉ đạo, giám sát của TTKT cấp trên.

TTKT TNN gồm có Chủ tịch, một hoặc hai phó chủ tịch, 1 số



trọng tài viên và bộ máy giúp việc. Sự phân định thẩm quyền giữa TTKT TWN với TTKT địa phương dựa trên nguyên tắc :

- Lựa chọn của các bên
- Lãnh thổ
- Giá trị tranh chấp.

Tổ tụng của TTKT được qui định tại Chương IV pháp lệnh TTKT và Điều lệ và trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp HKKT và xử lý vi phạm pháp luật HKKT (Ban hành kèm theo nghị định 70/HDBT ngày 25/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng). Theo qui định tại các văn bản trên thì TTKT chỉ giải quyết tranh chấp HKKT và xử lý vi phạm pháp luật HKKT, TTKT giải quyết tranh chấp theo đơn yêu cầu của 1 hoặc các bên. Trong trường hợp HKKT vi phạm pháp luật thì TTKT được tự đưa ra xử lý mà không cần thiết phải có đơn yêu cầu của các bên. Thời hạn giải quyết tranh chấp là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu, đối với những tranh chấp có tính tiết phức tạp thì Chủ tịch TTKT có quyền gia hạn nhưng không quá 30 ngày. Thời hạn xử lý vi phạm pháp luật HKKT là 45 ngày kể từ ngày TTKT phát hiện vi phạm hoặc kể từ ngày nhận yêu cầu xử lý, Chủ tịch TTKT có quyền gia hạn nhưng không quá 45 ngày đối với những vụ việc phức tạp.

Thời hạn xét kháng cáo là 2 tháng kể từ ngày TTKT nhận đơn kháng cáo.

Việc giám sát của TTKT cấp trên đối với quyết định của TTKT cấp dưới là 1 năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực. Riêng về thời hiện giám sát hiện tại chưa được qui định rõ ràng : thời hiện 1 năm là thời hạn các bên có quyền đưa yêu

cầu giám sát, hay là thời hạn TTKT phải ra quyết định giám sát. Thời hạn có quyền yêu cầu xem xét lại quyết định của TTKT khi có tình tiết mới được phát hiện là 2 năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, thời hạn TTKT phải xem xét lại quyết định là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu xem xét.

Trong tài KT giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế bằng 1 phiên họp. Trong trường hợp vụ việc đã rõ ràng có đầy đủ chứng cứ được các bên thừa nhận bằng văn bản thì TTKT có quyền ra ngay quyết định mà không cần tổ chức phiên họp. Phiên họp giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm do 1 trọng tài viên hoặc do Hội đồng trọng tài gồm 3 trọng tài viên (Chủ tịch TTKT quyết định thành lập Hội đồng). Phiên họp giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm vẫn được tiến hành trong trường hợp 1 trong các bên vắng mặt không có lý do. Kết thúc phiên họp TTV hoặc Hội đồng TT phải ra quyết định giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm. Quyết định của hội đồng TT phải được biểu quyết theo đa số. Quyết định được công bố tại phiên họp và phải được gửi cho đương sự trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày ký. Các bên đương sự có quyền kháng cáo, quyền yêu cầu giám sát và quyền yêu cầu xem xét lại các quyết định của TTKT khi phát hiện có tình tiết mới.

Thực tiễn giải quyết tranh chấp kinh tế và xử lý vi phạm pháp luật HKKT sau 3 năm thực hiện pháp lệnh HKKT và pháp lệnh TTKT, cho thấy chủ yếu là các vụ vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến nợ nền dây dụa. Theo thống kê :

Năm 1990: Toàn ngành TTKT đã nhận 6243 vụ việc đã giải